

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 4 - 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Thanh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc M, sinh năm 2000, (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Beom J, sinh năm 1970, (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cũ: Seoul, Korea; Chỗ ở hiện nay: Daedeok-gu, Daejeon, Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, chị Bùi Ngọc M trình bày: Chị và anh Beom J quen biết nhau qua người thân giới thiệu, sau thời gian tìm hiểu chị và anh Beom J tự nguyện xây dựng hôn nhân với nhau, chị và anh Beom J đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 20/02/2019. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh Beom J chung sống với nhau khoảng 01 tuần tại nhà cha mẹ ruột của chị, sau đó anh Beom J trở về Hàn Quốc cho đến nay không sang Việt Nam nữa và anh Beom J cũng không làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, từ cuối tháng 02/2019 đến nay anh Beom J cũng không còn liên lạc với chị. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh Beom J, anh Beom J không còn liên lạc với chị và chị cũng không

liên lạc được với anh Beom J, chị xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Chị M xác định chị và anh Beom J không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Beom J: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện uỷ thác tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Beom J theo quy định pháp luật. Ngày 25/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của anh Beom J đã được hợp pháp hoá lãnh sự theo đúng quy định do chị M nộp trực tiếp. Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt anh Beom J trình bày: Anh và chị M có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/02/2019, sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không cùng chung tiếng nói, nên không thể hàn gắn chung sống với nhau được, nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Beom J có yêu cầu không hòa giải và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Ngọc M, xử cho chị M được ly hôn với anh Beom J. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị M và anh Beom J xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp, chị M phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Beom J là người nước ngoài, đang cư tại địa chỉ: Daedeok-gu, Daejeon, Korea, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc uỷ thác tư pháp: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhận văn bản ghi nhận ý kiến của anh Beom J được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật. Do anh Beom J có yêu cầu xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Beom J.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Đối với nguyên đơn chị Bùi Ngọc M, ngày 31/01/2024, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị M là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị M. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/02/2019, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị M và anh Beom J là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của chị M và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Beom J có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị M và anh Beom J chung sống với nhau trong một thời gian rất ngắn, sau đó anh Beom J về Hàn Quốc sinh sống đến nay không sang Việt Nam nữa và cũng không làm thủ tục bảo lãnh chị M sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, chị M và anh Beom J xác định sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, không quan tâm chăm sóc cho nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó, giữa chị M và anh Beom Junghun đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Bùi Ngọc M được ly hôn với anh Beom J là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh Beom J xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Ngọc M và anh Beom J xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, lệ phí ủy thác tư pháp, chị Bùi Ngọc M phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Ngọc M đối với anh Beom J.

1.1 Xử cho chị Bùi Ngọc M, sinh năm 2000 được ly hôn với anh Beom J, sinh năm 1970.

1.2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

2. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Bùi Ngọc M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000392 ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

2.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Bùi Ngọc M chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), chị Bùi Ngọc M đã nộp lệ phí số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000324 ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Bùi Ngọc M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Beom J có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn